

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51** /2017/HNGĐ-ST
Ngày: 28 tháng 11 năm 2017.
V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia
đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA-TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Khải**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Mạnh Cường**.

2. Ông **Đỗ Minh Tuấn**.

- Thư ký phiên tòa: Bà. **Bùi Thị Duyên**.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**- Sinh năm 1974 (*Có mặt*);

Địa chỉ: Khu 4, xã Y, huyện T, tỉnh P;

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H** - Sinh năm 1978(có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu 4, xã Y, huyện T, tỉnh P.

Hiện nay đang tập trung cải tạo tại trại giam Q, huyện S, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:**

Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau vào ngày 02/12/1996, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Y, huyện T. Khi đó anh và chị H đều làm ruộng tại quê, tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc.

Quá trình vợ chồng sống chung anh cho rằng vợ chồng lấy nhau lâu không có con chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng lạnh nhạt, cho đến năm 2009 thì chị H có dính líu đến ma túy thì bị Tòa án nhân dân huyện T xử 30 tháng tù, sau khi ra tù đến năm 2011,

chị H lại tiếp tục dính líu đến việc mua bán ma túy đã bị Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử 20 năm tù. Hiện nay đang cải tạo tại phân trại số 1 Trại giam Q, huyện S, tỉnh T, từ những mâu thuẫn trên nay anh xét thấy tình cảm giữa anh và chị H không thể hàn gắn được nên anh yêu cầu được ly hôn chị H.

Về con chung, tài sản chung, công nợ, ruộng đất: anh và chị H không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H vắng mặt nhưng đã có bản tự khai ngày 02/11/2017 tại trại giam Q chị H khai như sau: Chị và anh T kết hôn năm 1996, có tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn, sau thành hôn tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, mâu thuẫn năm 2006 anh T vi phạm pháp luật bị Tòa án xử 12 năm tù, đến năm 2011 chị vi phạm pháp luật và đã bị tòa án xử 20 năm tù, nay anh T xin ly hôn chị, chị cũng nhất trí.

Về con chung, tài sản chung, công nợ, ruộng đất, công sức đóng góp: chị và anh T không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị có đơn xin xử vắng mặt như quan điểm chị đã trình bày trong bản tự khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được bởi bị đơn hiện đang cải tạo tại trại giam Q, huyện S, tỉnh T và chị H có đơn đề nghị xin xử vắng mặt là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H là hôn nhân hợp pháp, bởi lẽ có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Y, huyện T, tỉnh P. Vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2006 chị H cho rằng anh T vi phạm pháp luật, đến năm 2011 chị H vi phạm pháp luật hiện nay đang tập T cải tạo, mặt khác vợ chồng lấy nhau đã lâu nhưng không có con chung do vậy dẫn đến mâu thuẫn, nay anh T xin ly hôn, chị H nhất trí. Xét việc yêu cầu ly hôn của anh T và chị H là có căn cứ bởi lẽ vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2006 cho đến nay, không còn quan tâm với nhau nữa, điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống chung không thể cải thiện được do vậy công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị H được quy định tại điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp cho hai bên gia đình và đất nông nghiệp: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H đều xác nhận không có, nên không đặt ra giải quyết.

[4]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 55, khoản 1 điều 51 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự điểm a khoản 5. Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp và đất nông nghiệp: anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận anh Nguyễn Văn T đã nộp 300.000.đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba theo biên lai thu số: 0003985 ngày 19/10/2017.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh Phú Thọ xét xử Phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện; tỉnh
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn bản án.
- UBND xã Y.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Khải